

DANH SÁCH HỢP XÉT TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP - KHÓA 25 , NĂM HỌC 2025 - 2026 (đợt 1)

(Kèm theo Biên bản họp xét ngày 29/7/2025 của Hội đồng tuyển sinh)

TT	Mã hssv	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	NV 1	Khu vực	Mã Đối tượng U.T	Điểm TBC	Điểm KV	Điểm U.T	Điểm xét tuyển	Nghề trúng tuyển	Trình độ đào tạo
1	TC251169	Mai Hôn	Anh	02/02/2010	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	5.6	0.75	2	8.35	Điện công nghiệp	Trung cấp
2	TC251060	Lượng Ngọc	Anh	31/03/2009	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.5	0.75	2	8.25	Điện công nghiệp	Trung cấp
3	TC251048	Trương Quốc	Bảo	23/09/2004	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.0	0.75	2	8.75	Điện công nghiệp	Trung cấp
4	TC251156	Chamaléa	Bin	20/10/2009	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	6.2	0.75	2	8.95	Điện công nghiệp	Trung cấp
5	TC251125	Triệu Thiên	Bốt	22/07/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.4	0.75	2	9.15	Điện công nghiệp	Trung cấp
6	TC251168	Chamaléa	Dáng	26/6/2010	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	7.2	0.75	2	9.95	Điện công nghiệp	Trung cấp
7	TC251050	Nguyễn Thành	Đạt	18/11/2009	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV2	10	5.1	0.25	1	6.35	Điện công nghiệp	Trung cấp
8	TC251174	Nguyễn Hoàng Thai	Đồng	16/03/2007	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV2-NT	00	5.8	0.50	0	6.30	Điện công nghiệp	Trung cấp
9	TC251110	Quảng Hoàng	Du	21/10/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.8	0.75	2	8.55	Điện công nghiệp	Trung cấp
10	TC251157	Patáuxá	Dũ	23/11/2009	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	6.0	0.75	2	8.75	Điện công nghiệp	Trung cấp
11	TC251112	Hán Lưu Minh	Đức	28/09/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.7	0.75	2	8.45	Điện công nghiệp	Trung cấp
12	TC251185	Đặng Tấn	Dũng	07/8/2009	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV2-NT	04	6.5	0.50	2	9.00	Điện công nghiệp	Trung cấp
13	TC251151	Chamaléa	Duy	27/01/2010	ỉnh Ninh Thuận	Nam	Ra-glai	DCN	KV1	04	6.7	0.75	2	9.45	Điện công nghiệp	Trung cấp
14	TC251083	Mai Hoàng	Duy	29/09/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.8	0.75	2	8.55	Điện công nghiệp	Trung cấp
15	TC251128	Trần Thập Nguyên	Hải	30/04/2010	Ninh Thuận	Nam	Gia-rai	DCN	KV1	04	5.0	0.75	2	7.75	Điện công nghiệp	Trung cấp
16	TC251069	Phạm Văn	Hiển	20/08/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	6.0	0.75	0	6.75	Điện công nghiệp	Trung cấp
17	TC251021	Lê Nhật	Huy	29/01/2009	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV2	00	6.3	0.25	0	6.50	Điện công nghiệp	Trung cấp
18	TC251109	Dương Xuân	Huy	27/09/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	5.7	0.75	0	6.45	Điện công nghiệp	Trung cấp
19	TC251085	Thới Thị Thu	Huỳnh	01/09/1998	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	DCN	KV1	00	5.7	0.75	0	6.45	Điện công nghiệp	Trung cấp
20	TC251058	Lê Minh	Khá	19/04/2006	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV2	00	5.7	0.25	0	5.95	Điện công nghiệp	Trung cấp
21	TC251150	Tupur Tuấn	Khiêm	03/12/2012	ỉnh Ninh Thuận	Nam	Ra-glai	DCN	KV1	04	6.2	0.75	2	8.95	Điện công nghiệp	Trung cấp
22	TC251076	Lưu Chấn	Khiêm	06/03/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.9	0.75	2	8.65	Điện công nghiệp	Trung cấp
23	TC251212	Hán Dương Quốc	Khuong	09/06/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.4	0.75	2	9.15	Điện công nghiệp	Trung cấp
24	TC251063	Lâm Mạnh	Khuong	21/08/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	7.2	0.75	0	7.95	Điện công nghiệp	Trung cấp
25	TC251167	Chamaléa	Khuya	30/4/2010	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	5.8	0.75	2	8.55	Điện công nghiệp	Trung cấp
26	TC251217	Đàng Quang	Lâm	10/12/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	7.5	0.75	2	10.25	Điện công nghiệp	Trung cấp
27	TC251081	Thạch Ngọc	Lâm	23/06/2009	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.6	0.75	2	8.33	Điện công nghiệp	Trung cấp
28	TC251166	Pô Pôn	Lựt	14/12/2010	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	6.7	0.75	2	9.45	Điện công nghiệp	Trung cấp
29	TC251096	Phạm Văn Quang	Minh	25/06/2004	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	5.3	0.75	0	6.05	Điện công nghiệp	Trung cấp
30	TC251130	Não Minh	Nhí	27/10/1997	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.5	0.75	2	9.25	Điện công nghiệp	Trung cấp
31	TC251049	Tạ Nguyễn Thanh	Phong	29/04/2002	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	6.8	0.75	0	7.55	Điện công nghiệp	Trung cấp
32	TC251071	Bùi Thanh	Phong	09/02/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV2-NT	00	6.3	0.50	0	6.80	Điện công nghiệp	Trung cấp
33	TC251123	Quảng Hoàng Thiệp	Phú	02/05/2009	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.4	0.75	2	8.15	Điện công nghiệp	Trung cấp

TT	Mã hssv	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	NV 1	Khu vực	Mã Đối tượng U.T	Điểm TBC	Điểm KV	Điểm U.T	Điểm xét tuyển	Nghề trúng tuyển	Trình độ đào tạo
34	TC251163	Chamaléa	Sua	08/6/2010	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	5.7	0.75	2	8.45	Điện công nghiệp	Trung cấp
35	TC251072	Nguyễn Tấn	Tài	19/11/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV2-NT	00	6.4	0.50	0	6.90	Điện công nghiệp	Trung cấp
36	TC251147	Hán Quang	Thảo	24/05/2005	ỉnh Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.9	0.75	2	9.65	Điện công nghiệp	Trung cấp
37	TC251105	Nguyễn Hiếu	Thiện	02/01/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	5.6	0.75	0	6.35	Điện công nghiệp	Trung cấp
38	TC251183	Ngư Xuân	Thuyền	24/11/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.0	0.75	2	8.75	Điện công nghiệp	Trung cấp
39	TC251061	Sầm Văn	Tiến	25/06/2009	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.5	0.75	2	8.25	Điện công nghiệp	Trung cấp
40	TC251190	Đàng Quốc	Tiến	01/05/2009	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.3	0.75	2	8.05	Điện công nghiệp	Trung cấp
41	TC251027	Phan Minh	Tiến	26/07/2007	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV3	00	6.8	0.00	0	6.80	Điện công nghiệp	Trung cấp
42	TC251137	Nguy Lưu Phú	Trọng	12/08/2010	ỉnh Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.4	0.75	2	9.15	Điện công nghiệp	Trung cấp
43	TC251051	Lê Văn	Tú	10/04/2008	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	6.4	0.75	0	7.15	Điện công nghiệp	Trung cấp
44	TC251172	Đạo Thanh	Tường	20/11/2004	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	6.0	0.75	2	8.75	Điện công nghiệp	Trung cấp
45	TC251003	Trương Quốc	Unul	20/02/1996	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	5.2	0.75	0	5.95	Điện công nghiệp	Trung cấp
46	TC251170	Kator	Ương	30/11/2009	Ninh Thuận	Nam	Rắc lầy	DCN	KV1	04	6.2	0.75	2	8.95	Điện công nghiệp	Trung cấp
47	TC251211	Trương Đàng Đại	Uy	07/08/2010	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.6	0.75	2	8.35	Điện công nghiệp	Trung cấp
48	TC251213	Châu Phương	Vĩ	14/06/2003	Ninh Thuận	Nam	Chăm	DCN	KV1	04	5.7	0.75	2	8.45	Điện công nghiệp	Trung cấp
49	TC251092	Vũ Quốc	Việt	25/12/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	DCN	KV1	00	6.0	0.75	0	6.75	Điện công nghiệp	Trung cấp